

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY

Ngô Thị Huyền

Email: huyenntta@gmail.com

Lê Thị Ngọc Hà

Email: ngochaqv@gmail.com

Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh

Tóm tắt: Kể từ khi giành được độc lập dân tộc (1945) và thống nhất đất nước (1975) đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã giành sự ưu tiên, hỗ trợ to lớn cho các dân tộc thiểu số, nhất là các nhóm dân tộc sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, các dân tộc có dân số ít ... với nguyên tắc nhất quán: "Các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển". Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả to lớn đã đạt được, thực trạng phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội - an ninh quốc phòng vùng dân tộc thiểu số vẫn tồn tại, nảy sinh một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết kịp thời, hiệu quả hơn.

Từ khóa: dân tộc thiểu số, vấn đề, cộng đồng, văn hóa

SOME ISSUES FACING THE ETHNIC MINORITY COMMUNITY CURRENTLY

Ngo Thi Huyen

Email: huyenntta@gmail.com

Le Thi Ngoc Ha

Email: ngochaqv@gmail.com

Vinh University of Technology and Education

Abstract: Since achieving national independence (1945) and national unification (1975) up to now, our Party and State have given priority and great support to ethnic minorities, especially ethnic minorities. ethnic groups living in remote, remote areas, especially difficult areas, ethnic groups with small populations... with the consistent principle: "Vietnam's ethnic groups are equal, united, respectful, and help each other." develop together". However, besides the great results that have been achieved, the current situation of economic - cultural - social - security and defense development in ethnic minority areas still exists, raising a number of issues that need further research. rescue and resolve promptly and more effectively.

Keywords: minority ethnic groups, issues, community, culture

Nhận bài: 04/7/2024

Phản biện: 28/7/2024

Duyệt đăng: 30/7/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số và các dân tộc thiểu số chiếm khoảng 15% dân số. Các dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở vùng miền núi và các khu vực hẻo lánh, đóng góp một phần quan trọng vào sự đa dạng văn hóa và xã hội của đất nước. Nghiên cứu về các dân tộc thiểu số là một lĩnh vực quan trọng, nhằm bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị văn hóa, kinh tế và xã hội của các cộng đồng này.

Trong bối cảnh tình hình mới, các dân tộc nước ta chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố mới của thời đại. Đó là sự ảnh hưởng, tác động của vấn đề dân tộc trên thế giới, thực hiện các quyền của dân tộc, của công dân trong các công ước quốc tế, vấn đề dân tộc xuyên biên giới trong xu thế toàn cầu hoá... Đặc biệt là sự trỗi dậy của ý thức dân tộc,

ý thức tộc người của một số dân tộc hay nhóm địa phương trong những năm gần đây. Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước hiện nay, việc xác định lại thành phần của một số dân tộc đã và sẽ có ý nghĩa hơn về cả lý luận và thực tiễn.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Các nghiên cứu và tài liệu trên cho thấy vấn đề dân tộc thiểu số ở Việt Nam là một lĩnh vực phức tạp và đa chiều, bao gồm các khía cạnh văn hóa, kinh tế, xã hội và giáo dục. Việc bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa, cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội, và nâng cao chất lượng giáo dục là những mục tiêu quan trọng để đạt được sự phát triển bền vững cho các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Theo Đặng Nghiêm Vạn và Lê Ngọc Thắng (2003), văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng, phản ánh qua các

lễ hội, trang phục, ngôn ngữ, và phong tục tập quán. Nguyễn Văn Huy (2009) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa này để duy trì sự đa dạng văn hóa của đất nước. Đặng Văn Bài (2007) cũng đề cập đến việc di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số cần được bảo vệ và phát triển trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Lê Hải Đăng (2015) và Viện Dân tộc học (2011) đã phân tích các vấn đề kinh tế xã hội của các vùng dân tộc thiểu số, chỉ ra rằng mặc dù đã có nhiều tiến bộ nhưng các khu vực này vẫn còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế và xã hội. Sự phát triển kinh tế chưa đồng đều và tình trạng nghèo đói vẫn còn tồn tại. Báo cáo của Chính phủ Việt Nam (2019) cũng cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ và đầu tư phát triển hạ tầng.

Nguyễn Thị Thanh Bình (2018) đã nghiên cứu về vấn đề bình đẳng giới trong cộng đồng dân tộc thiểu số, chỉ ra rằng vẫn còn nhiều bất bình đẳng về giới trong các lĩnh vực giáo dục, việc làm, và tham gia xã hội. Việc thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển bền vững là một mục tiêu quan trọng để nâng cao chất lượng cuộc sống cho các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Giáo dục là một yếu tố then chốt trong việc nâng cao đời sống và phát triển bền vững cho các dân tộc thiểu số. Hoàng Tuấn Anh (2013) nhấn mạnh rằng cần có các chương trình giáo dục và đào tạo phù hợp với đặc thù văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số để cải thiện chất lượng giáo dục và nâng cao trình độ dân trí. Việc tạo điều kiện học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho người dân tộc thiểu số là cần thiết để giúp họ hội nhập và phát triển kinh tế.

2.1. Các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề lịch sử kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa

Kể từ khi đất nước thống nhất, các thế lực phản động trong nước vẫn không ngừng dùng mọi thủ đoạn hòng làm suy yếu chế độ ta. Chúng cấu kết với các thế lực phản động ở nước ngoài lợi dụng các vấn đề lịch sử tộc người nhằm kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Đảng và chính quyền tại một số vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, chúng thường trà trộn vào trong dân, giờ chiều bài kích động nhân dân chống phá chính quyền.

Ở Tây Nguyên trong các năm 2001 - 2004 đã xảy ra hai cuộc bạo loạn chính trị, có nguồn gốc lịch sử sâu xa. Tây Nguyên là vùng đất có những nét đặc thù về lịch sử phát triển. Nơi đây có thể coi là vùng đệm, chịu ảnh hưởng của vương quốc Chăm Pa, của đế chế Chân Lạp và Ăngco. Sau năm 1975, sự di cư của người Kinh và các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc đổ về Tây Nguyên tạo nên lớp dân cư mới đồng thời gây nên những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế - xã hội.

Tại vùng Nam Bộ, trong những năm gần đây, nhiều tổ chức của các phần tử Khmer lưu vong cấu kết với các nhóm Khmer phản động ở trong nước kích động chủ nghĩa ly khai trong cộng đồng Khmer Nam Bộ.

Cũng giống như Tây Nguyên, ở Nam Bộ, các thế lực thù địch trong nước và nước ngoài thường tổ chức các hoạt động chống phá, chia rẽ dựa trên các yếu tố lịch sử đặc trưng của vùng đất này. Vùng đất này gắn với quá trình mở rộng bờ cõi của triều Nguyễn. Khi người kinh đến Nam Bộ khai phá, vùng đất này hầu như hoang hóa. Sau đó, cùng với người Kinh, các tộc người Khmer, Chăm và Hoa cũng dần kéo đến lập nghiệp, tạo nên vùng Nam Bộ trù phú như bây giờ.

Ở Tây Bắc, từ năm 1960, một số đại phát thanh ở nước ngoài đã tăng cường phát sóng bằng tiếng Mông để khơi dậy ý thức về một nhà nước của dân tộc Mông và kích động thành lập vương quốc Mông ở khu vực Đông Nam Á. Sau đó, các phần tử người Mông ở Lào đã sang Việt Nam tuyên truyền phản động rải rác tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An. Năm 2011, chúng đã gây ra cuộc bạo loạn của nhóm người Mông tại huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, hàng nghìn người tham gia hòng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc mà Đảng và nhân dân ta đã dày công vun đắp.

2.2. Vấn đề xác định thành phần, tên gọi một số dân tộc hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi nghĩa vụ...”. Quán triệt quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, đồng thời kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, đoàn kết các dân tộc, kể từ khi ra đời đến nay, trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và nhà nước ta luôn thống nhất quan điểm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Gần đây nhất, Nghị quyết Đại hội lần thứ

XII của Đảng Tiếp tục khẳng định: “ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển...”. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ nhằm thực hiện nguyên tắc trên, trong đó xác định tên gọi và thành phần tộc người là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược đó, sau khi thống nhất đất nước, Đảng và Chính phủ đã giao Viện Dân tộc học thuộc ủy ban khoa học nhà nước (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) tiến hành nghiên cứu, xác định tên gọi và thành phần dân tộc ở nước ta.

Trong thời gian gần đây, ủy ban dân tộc vẫn tiếp nhận nhiều ý kiến từ các địa phương về thành phần dân tộc, tên gọi một số dân tộc, trong đó có nhóm địa phương muốn tách ra thành một dân tộc riêng, hoặc sáp nhập vào một dân tộc khác; một số lại có ý kiến về tên gọi chưa đúng với nguồn gốc lịch sử và đặc điểm ngôn ngữ của họ. Trước tình hình trên, từ năm 2003 đến năm 2005, Viện Dân tộc học và Viện Ngôn ngữ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã tiến hành điều tra, nghiên cứu, hội thảo khoa học nhằm xác định lại thành phần của một số dân tộc, nhóm dân tộc. Đây là một công việc vô cùng khó khăn phức tạp với một đất nước đa tộc người như nước ta.

2.3. Đấu tranh với các tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc, định kiến, phân biệt, kỳ thị và chia rẽ dân tộc

Trong những năm tháng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong hai cuộc kháng chiến, hình ảnh cán bộ, Đảng viên “ ba cùng” với nhân dân đã in đậm dấu ấn trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: ”Quân với dân như môi với răng, môi hở thì răng lạnh”. Sự gắn bó bền chặt giữa quân với dân, giữa cán bộ cách mạng miền xuôi với đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi, tình đoàn kết giữa các dân tộc chính là cội nguồn sức mạnh giúp cho cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, đánh thắng những thế lực đế quốc hùng mạnh gấp nhiều lần. Ngày nay, hình ảnh “ ba cùng” có lúc, có nơi như đã phai nhạt, quan hệ giữa quân với dân, cán bộ với đồng bào ở một số địa phương dần trở nên xa cách. “Tư tưởng dân tộc hẹp hòi” chính là tư tưởng khép kín, biệt lập, bảo thủ, bài ngoại... Tư tưởng này thường hay nhấn mạnh đặc điểm riêng biệt

của dân tộc, không thấy rõ lợi ích của quốc gia và tương lai của dân tộc mình. Họ không muốn tiếp thu sự giúp đỡ và những kinh nghiệm hay những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác.

“Tư tưởng dân tộc hẹp hòi” thường thể hiện qua hai loại hiện tượng: một số cán bộ, Đảng viên là người Kinh không có sự tìm hiểu sâu sắc, thấu đáo về văn hóa, phong tục, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào nên trong quá trình tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tỏ ra nóng vội, khiến cho chính sách không đi vào cuộc sống, thiếu hiệu quả, làm xói mòn lòng tin của đồng bào đối với Đảng, với nhà nước. Ngược lại với xu hướng trên, một số cán bộ, Đảng viên là người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, sự tiếp xúc với xã hội bên ngoài còn nhiều hạn chế, đời sống khó khăn về nhiều mặt... cũng mang trong mình mặc cảm tự ti, e ngại không đấu tranh, từ đó dần trở nên thụ động, không tìm được động lực để vươn lên. Tất cả những biểu hiện trên là lực cản sự phát triển, tạo ra sự phân biệt, làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến tính ưu việt, nhân văn trong đường lối và chính sách dân tộc, tạo điều kiện nảy sinh tệ quan liêu, tham nhũng. Do đó, để đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước luôn đạt hiệu quả thiết thực, mọi cán bộ, Đảng viên cần khắc phục, loại trừ ” tư tưởng dân tộc hẹp hòi” trong nhận thức và hành động, nhất là cán bộ, Đảng viên đang công tác ở vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Cần phải quán triệt một cách sâu sắc và rộng rãi đến toàn bộ hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, toàn thể quần chúng nhân dân: “ Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”.

2.4. Vấn đề thực hiện công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số

Để tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong giai đoạn mới, Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII đã có chủ trương, ban hành đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị, kết luận tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến công tác dân vận như: “ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; công tác giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở các vùng, miền.

Ở biên giới, vùng sâu, vùng xa, công tác dân

vận đã góp phần giúp đồng bào các dân tộc thay đổi nếp sống, cách nghĩ; sống định canh, định cư, xây dựng thôn, bản văn hoá, tích cực tham gia phòng, chống tội phạm; không sinh hoạt đạo trái pháp luật, tàng trữ vũ khí, buôn bán ma túy, tái trồng cây thuốc phiện... Thông qua công tác dân vận, đồng bào các dân tộc đã nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để chống phá cách mạng nước ta. Phong trào thi đua “dân vận khéo” được đẩy mạnh, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những việc làm thiết thực, ngày càng đi vào chiều sâu; nhiều mô hình hiệu quả, có sức lan tỏa, tạo động lực, cổ vũ, động viên đồng bào nhân dân hưởng ứng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn.

Tuy nhiên, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân vận của một số cấp ủy, chính quyền các cấp vẫn còn những hạn chế, cần khắc phục. Việc quán triệt, nâng cao nhận thức, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận chưa sâu sắc, chưa dự báo, nắm bắt đầy đủ những diễn biến, tâm tư, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân để có biện pháp xử lý phù hợp. Một số chính sách chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân... gây tâm lý dồn nén, bức xúc trong nhân dân; một bộ phận nhân dân bị các thế lực thù địch, đối tượng cực đoan lợi dụng kích động, gây ra nhiều vụ việc phức tạp, tạo điểm nóng về an ninh trật tự. Trong khi đó, một bộ phận cán bộ, Đảng viên còn thiếu gương mẫu, xa dân; phương pháp vận động, tập hợp quần chúng chưa phù hợp với từng đối tượng, nhất là đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, đồng bào có tôn giáo. Sự phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội cùng với tệ quan liêu, tham nhũng là thách thức không nhỏ đối với công tác dân vận và mối quan hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng.

Những hạn chế nêu trên trong công tác dân vận ở vùng dân tộc thiểu số cho thấy nhiều cán bộ, công chức, viên chức chưa thực sự thấu hiểu các phương châm, nguyên tắc, phong cách công tác dân vận trên tinh thần nghị quyết của Đảng và những bài học dân vận sâu sắc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trải qua, đã đúc kết. Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX trong phần “công tác dân tộc trong thời kỳ mới” nêu rõ yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng

đồng bào dân tộc; quán triệt phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận:” Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”.

Trong các nguyên tắc trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc đầu tiên, trên hết, đó là trọng dân. Chỉ khi cán bộ, công chức thấu hiểu và thực hiện triệt để nguyên tắc trọng dân thì mới có thể gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân.

Trong thực tiễn hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt lưu tâm đến lòng tin của người dân với Đảng và Nhà nước. Người cho rằng, muốn được dân tin Đảng, tin Nhà nước của mình thì người lãnh đạo và quản lý trước hết phải dân chủ với dân, tôn trọng dân như tôn trọng chính bản thân mình. Không dân chủ với dân, không tôn trọng dân sẽ làm khoảng cách giữa Đảng, Nhà nước với dân ngày một xa, làm lãnh đạo và người dân cách biệt nhau, xa rời nhau. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ cần phải nâng cao, mở rộng dân chủ, để cho người dân được cất lên tiếng nói, bộc lộ thái độ, suy nghĩ của mình, động viên mọi người suy nghĩ để làm những việc ích lợi cho dân. Theo Người, mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải kết hợp chặt chẽ với dân chúng. Hồ Chí Minh đã thường xuyên giáo dục cán bộ phải làm tốt công tác vận động nhân dân. Vận là vận động từng người dân, góp thành lực lượng toàn dân để chung sức chung lòng xây dựng và bảo vệ đất nước. Điều quan trọng là kiên trì giải thích cho dân hiểu trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ, lợi ích của mình. Người lãnh đạo chân chính bao giờ và bất cứ việc gì cũng phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm của dân sao cho phù hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, mong muốn của người dân. Đó là trọng dân mà cũng là học dân. Một số cán bộ, công chức tự cho mình là học vấn cao, kiến thức nhiều, từ đó mặc nhiên có cái nhìn, thái độ kẻ cả, bề trên, từ đó khiến cho nhiều người dân dần xa rời cán bộ, xa Đảng. Người cho rằng, vấn đề quan trọng bậc nhất vẫn là vấn đề lợi ích của người dân. Nếu lãnh đạo mang lại lợi ích thiết thực cho dân sẽ làm cho dân tin Đảng, tin cán bộ. Nguyên tắc chung của chính sách dân vận là tạo sự hài hòa giữa ba lợi ích: lợi ích công dân, lợi ích tập thể, lợi ích xã hội,

trong đó phải hết sức coi trọng lợi ích của người lao động chân chính. Điều tiết thu nhập hợp lý và phân chia công bằng lợi ích giữa các tầng lớp nhân dân là việc làm có ý nghĩa nhằm củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Muốn mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, trước hết phải có chính sách đúng. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tất cả đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đều có ảnh hưởng trực tiếp đến dân, đều phải hướng vào dân, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân. Trong di chúc người viết:” Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Mang lại lợi ích thiết thực cho dân là trọng dân, là có trách nhiệm với dân”.

Một trong những hoạt động cơ bản của công tác dân tộc là công tác vận động quần chúng. Đối tượng vận động là đồng bào các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển nhiều mặt còn thấp; tâm lý,

tư tưởng, nhu cầu, lợi ích... có những đặc điểm riêng; đòi hỏi người cán bộ làm công tác dân vận phải tìm hiểu đặc điểm tâm lý, tính cách, văn hóa của từng dân tộc, chân thành trong từng lời nói, cử chỉ, hành động khi tiếp xúc với đồng bào dân tộc thiểu số để tạo mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với cán bộ, nhân dân với Đảng.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh tình hình mới, các dân tộc nước ta chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố mới của thời đại. Đó là sự ảnh hưởng, tác động của vấn đề dân tộc trên thế giới, thực hiện các quyền của dân tộc, của công dân trong các công ước quốc tế, vấn đề dân tộc xuyên biên giới trong xu thế toàn cầu hóa... Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước hiện nay, công tác dân tộc đã và sẽ có ý nghĩa lớn về cả lý luận và thực tiễn, là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là vấn đề chiến lược, góp phần củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Tuấn Anh (2013). *Giáo dục và đào tạo cho các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Bình (2018). *Bình đẳng giới và phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Học viện dân tộc, (2023). *Tài liệu giảng dạy kiến thức dân tộc dành cho giảng viên báo cáo viên*, tr. 19-27.
- Đặng Nghiêm Vạn, Lê Ngọc Thắng (2003). *Các dân tộc ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Văn Huy (2009). *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.
- Viện Dân tộc học (2011). *Những vấn đề cơ bản về các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Đặng Văn Bài (2007). *Di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Lê Hải Đăng (2015). *Phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

LÝ THUYẾT VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THEO CẶP, NHÓM TRONG DẠY HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC TẠI TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

Nguyễn Hiền Chi
Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Quảng Ninh

Tóm tắt: Để giúp học sinh dễ dàng tiếp cận ngôn ngữ mới, sáng kiến "cách tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm trong giờ học" là sự kết hợp của các phương pháp quan sát, nghiên cứu sản phẩm và kinh nghiệm, nhằm xác định và đề xuất các biện pháp và mẹo để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cho học viên của Trung tâm. "Cách tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm trong giờ học tiếng Trung" sẽ được sử dụng trong các bài học để giúp giáo viên truyền đạt kiến thức thuận tiện hơn cũng như giúp học sinh tiếp thu kiến thức nhanh chóng và tự nhiên hơn. Tổ chức dạy học theo nhóm, cặp là một phương pháp giảng dạy hiệu quả nếu được thực hiện đúng cách. Phương pháp này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập mà còn phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho học sinh. Tuy nhiên, để thành công, giáo viên cần có kỹ năng quản lý và điều hành tốt, đồng thời cần có các biện pháp khắc phục những thách thức có thể phát sinh.

Từ khóa: làm việc theo cặp, giảng dạy và học tiếng Trung, tạo hứng thú cho học sinh, phương pháp giảng dạy

THEORY ON ORGANIZING PAIR AND GROUP ACTIVITIES IN TEACHING CHINESE AT NGUYEN VAN CU TRAINING SCHOOL FOR OFFICIALS

Nguyen Hien Chi
Nguyen Van Cu School of training cadres, Quang Ninh Province

Abstract: to help students easily access a new language, the initiative of "how to organize activities in pairs and groups during teaching and learning hours" is a combination of observation methods, product research, and experience, to identify and propose measures and tricks to improve the quality of teaching and learning for the Center's students. "How to organize activities in pairs and groups during Chinese teaching and learning hours" would be used in lessons and lessons to help teachers impart knowledge more conveniently as well as help students absorb knowledge faster and more naturally. Organizing teaching in groups and pairs is an effective teaching method if implemented correctly. This method not only enhances learning efficiency but also develops essential soft skills for students. However, for it to be successful, teachers need good management and operational skills, as well as measures to address potential challenges.

Keywords: pair works, teaching and learning Chinese, creating excitement for students, teaching methods

Nhận bài: 4/7/2024

Phản biện: 6/8/2024

Duyệt đăng: 9/8/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Quảng Ninh là một trong 25 tỉnh, thành phố có biên giới, tuy nhiên lại là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ và trên biển với Trung Quốc, với đường biên giới trên bộ dài 118,825 km và đường phân định Vịnh Bắc Bộ trên biển dài trên 191km. Quảng Ninh cũng là tỉnh có nhiều cửa khẩu với Trung Quốc: cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, cửa khẩu Hoành Mô, cửa khẩu Bắc Phong Sinh, Các chương trình hợp tác thường niên với tỉnh Quảng Tây- Trung Quốc và tỉnh Quảng Ninh được diễn ra đều đặn hàng năm. Lượng du khách Trung Quốc đến với Hạ Long chiếm tỉ lệ lớn. Tỉnh Quảng Ninh cũng thường cử cán bộ sang Trung Quốc học hỏi kinh nghiệm về nhiều lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, quản lý du lịch,

dịch vụ, nông lâm ngư nghiệp, quản lý hành chính công... Nhưng trình độ tiếng Trung Quốc của người dân và cán bộ trong tỉnh còn hạn chế. Để giúp cho không chỉ cán bộ, công chức mà mọi công dân của tỉnh có thể dùng tiếng Trung Quốc để học tập, giao tiếp, nghiên cứu, du lịch dịch vụ, đối ngoại và làm việc với người Trung Quốc trong phạm vi chuyên môn của mình thì việc mở rộng và phát triển các lớp đào tạo tiếng Trung Quốc một cách đồng bộ và có quy mô là điều không thể thiếu.

Xuất phát từ đặc điểm và nhu cầu đó, là một giảng viên tiếng Trung Quốc - Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, tôi luôn trăn trở tìm tòi các phương pháp giảng dạy mới tạo hứng thú cho học viên và

nâng cao kết quả đào tạo.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO CẶP, NHÓM

2.1. Lý thuyết về dạy học theo cặp, nhóm

Tổ chức dạy học theo nhóm, cặp là một phương pháp giảng dạy trong đó học sinh được chia thành các nhóm nhỏ hoặc các cặp đôi để thực hiện các hoạt động học tập. Phương pháp này tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập, tăng cường khả năng giao tiếp và hợp tác, đồng thời phát triển kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

Theo Johnson và cộng sự (2008), học tập hợp tác là một quá trình mà trong đó các thành viên của nhóm chia sẻ trách nhiệm và cùng nhau đạt được mục tiêu học tập chung. Slavin (1995) cho rằng học tập hợp tác giúp tăng cường sự tương tác giữa các học sinh, đồng thời phát triển các kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề. Kagan (1994) nhấn mạnh rằng tổ chức dạy học theo nhóm, cặp tạo ra môi trường học tập tích cực và khuyến khích học sinh tham gia tích cực.

Gillies (2007) khẳng định rằng phương pháp này giúp học sinh phát triển kỹ năng tư duy phản biện, học hỏi lẫn nhau và cải thiện hiệu quả học tập. Jacobs, Power và Loh (2002) chỉ ra rằng việc học tập theo nhóm không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn phát triển khả năng tự học và tự quản lý. Johnson và Johnson (2009) nhấn mạnh rằng học tập hợp tác giúp xây dựng tinh thần đồng đội và tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các học sinh.

Theo Cohen (1994), một trong những thách thức lớn nhất của phương pháp này là quản lý nhóm hiệu quả. Sự khác biệt về năng lực giữa các thành viên trong nhóm có thể dẫn đến tình trạng không đồng đều trong đóng góp. O'Donnell và King (1999) cũng lưu ý rằng xung đột trong nhóm có thể xảy ra do bất đồng quan điểm hoặc phân công công việc không hợp lý.

Nguyễn Bá Kim (2004) và Phan Thị Hà (2010) đã áp dụng phương pháp dạy học theo nhóm trong giảng dạy môn Toán tại Việt Nam, với kết quả tích cực trong việc nâng cao khả năng sáng tạo và tư duy của học sinh. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012) và Lê Thị Thanh Thủy (2016) đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để áp dụng phương pháp này hiệu quả trong giáo dục đại học.

Lợi ích của tổ chức dạy học theo nhóm, cặp

Tăng cường hợp tác và giao tiếp: Học sinh học cách làm việc cùng nhau, chia sẻ ý tưởng và kiến

thức, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc nhóm.

Phát triển kỹ năng tư duy phản biện: Qua quá trình thảo luận và tranh luận trong nhóm, học sinh được khuyến khích tư duy độc lập và phân tích các quan điểm khác nhau.

Cải thiện hiệu quả học tập: Học sinh có thể học hỏi lẫn nhau, giải đáp thắc mắc và hỗ trợ nhau trong quá trình học tập, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Xây dựng môi trường học tập tích cực: Phương pháp này tạo ra một môi trường học tập tích cực và thú vị, giúp học sinh cảm thấy thoải mái và tự tin hơn khi tham gia vào các hoạt động học tập.

Một số lưu ý để tổ chức dạy học theo cặp, nhóm hiệu quả

Đối với giáo viên

Để học sinh hoạt động theo cặp, nhóm có hiệu quả giáo viên người tổ chức, điều khiển hoạt động cần làm tốt những yêu cầu sau: Chỉ dẫn bài tập hay nêu ra nhiệm vụ, yêu cầu phải thật rõ ràng

Ví dụ: Khi muốn cho học sinh thực hành theo cặp mẫu câu về hỏi đường

去 + (địa điểm) + 怎么走 ?

Sau khi hướng dẫn học sinh hiểu cách sử dụng của mẫu câu thì giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm lựa chọn một địa điểm quen thuộc, sau 5 phút chuẩn bị, mời các nhóm lần lượt lên bảng biểu diễn cách hỏi đường theo mẫu câu đã được học

Ví dụ: Khi muốn cho học sinh thực hành theo nhóm luyện ngữ pháp

Bổ ngữ xu hướng:

Động từ + 来 → 说话人 → Động từ + 去

Sau khi hướng dẫn để học viên nắm được hiện tượng ngữ pháp cần học, sẽ đưa ra một số hình ảnh biểu thị xu hướng của động tác, phân lớp thành các nhóm cho thi đấu, lên bảng viết ra những hành động biểu thị xu hướng qua tranh ảnh giáo viên vừa đưa, giúp học viên nắm chắc thêm kiến thức và tạo thêm không khí cạnh tranh sôi nổi cho học viên.

Sau khi học sinh thực hành bài tập theo cặp, nhóm cần có sự kiểm tra, nhận xét, góp ý kiến kịp thời từ bạn bè ở nhóm khác, hoặc từ giáo viên để chữa lỗi hoặc cung cấp mẫu đúng.

Khuyến khích học sinh làm việc theo cặp, nhóm.

Đối với học sinh

Người thực hiện hoạt động nhóm cần phải xây dựng thói quen tuân theo một số những quy định do giáo viên yêu cầu:

Cần phải nghe hiểu những yêu cầu của bài tập;
Cần làm việc tự giác theo sự phân chia của nhóm trưởng;

Cần phải bắt đầu triển khai thuyết trình nội dung của nhóm khi giáo viên yêu cầu.

2.2. Tổ chức hoạt động theo cặp, nhóm.

+ Hoạt động theo cặp

- Giáo viên có thể gọi hai học sinh đóng vai nhân vật trong bài hội thoại
- Có thể gọi một học sinh đặt câu hỏi và cho phép em đó chỉ định người trả lời.

Cách này thường được tổ chức cho học sinh hoạt động thực hành bài khoá hoặc luyện ngữ liệu mới trước khi các em thực hành theo cặp đóng.

Cặp đóng: giữa hai học sinh ngồi cạnh nhau

Có thể cho 2 học viên đóng vai nhân vật theo bài khoá hoặc theo chủ đề gắn với bài học ví dụ như chủ đề “mua sắm”, “hỏi đường”, “đổi tiền”, “hỏi thăm sức khỏe”... để học viên nắm chắc thêm nội dung của bài

Ưu điểm của hình thức này là không mất thời gian tổ chức, không xáo trộn chỗ ngồi mà vẫn huy động được học viên hội thoại cùng nhau.

+ Hoạt động theo nhóm

Việc phân nhóm tuân theo đặc điểm tâm lý, nhận thức của học viên và phụ thuộc nhiệm vụ học tập phải giải quyết. Trong mỗi nhóm phải có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phải cùng hợp tác giải quyết nhiệm vụ chung của nhóm. Học viên phải trực tiếp tham gia các hoạt động, hoàn thành nhiệm vụ học tập được đặt ra cho mỗi nhóm. Chia nhóm phải đảm bảo cân đối về số lượng, sắp xếp vị trí chỗ ngồi của nhóm cũng như từng thành viên để học viên dễ thảo luận, trao đổi với nhau và trao đổi với giáo viên. Có nhiều cách chia nhóm tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ học tập và dụng ý sư phạm của giáo viên. Có thể chia nhóm theo những hình thức sau:

+ Chia nhóm theo vị trí bàn học của học viên: nhóm nhỏ 3 – 4 người có thể mỗi bàn là một nhóm, nhóm lớn 6 – 8 người có thể 2 bàn ngồi kề nhau là một nhóm.

Ưu điểm của cách chia nhóm kiểu này là tổ chức gọn nhẹ, huy động được tất cả học sinh vào tham gia nhiệm vụ cô giáo giao, không cần xáo trộn bàn ghế. Nhóm kiểu này thường được sử dụng để huy động khả năng của học viên trong nhóm vào làm các bài tập tình huống nhận thức, thực hành hoặc các bài tập vận dụng tri thức để giải quyết các tình huống thực tiễn.

+ Chia nhóm thành dãy bàn học có trong lớp

(thành 2 hoặc 3 nhóm tùy theo dãy bàn học trong mỗi lớp đã được bố trí).

Cách tổ chức nhóm kiểu này thường đơn giản, nhanh. Nhóm này thường được sử dụng trong các trò chơi học tập, hoặc có tính thi đua giữa các nhóm với nhau.

Tổ chức dạy học theo nhóm, cặp là một phương pháp giảng dạy hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích cho học sinh và giáo viên. Tuy nhiên, để đạt được kết quả tốt nhất, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và quản lý chặt chẽ từ phía giáo viên. Các nghiên cứu và ứng dụng tại Việt Nam cho thấy tiềm năng lớn của phương pháp này trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp quan sát: Quan sát các giờ học tiếng Trung Quốc tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Nhà trường, đặc biệt là tổ chức các hoạt động cặp, nhóm cho học sinh trong các giờ tiếng Trung Quốc, đặc biệt trong các giờ khẩu ngữ, xem các hoạt động đưa ra cho các em luyện đã phù hợp chưa, có đạt hiệu quả không đồng thời rút kinh nghiệm để đưa ra các hoạt động phù hợp hơn, hiệu quả hơn đối với từng bài, từng phần cụ thể.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm: Thông qua kết quả lĩnh hội kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giao tiếp trong từng hoạt động cụ thể.

Phương pháp đàm thoại: Thông qua trao đổi với giáo viên đồng môn, học viên để tìm hiểu khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của học viên, qua đó để rút ra được những đóng góp bổ ích.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tìm đọc các tài liệu, sách báo có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Bằng kinh nghiệm đúc kết từ bản thân trong quá trình dạy học của mình. Đồng thời tìm hiểu kinh nghiệm tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm trong các giờ dạy và học của các giáo viên dạy môn tiếng Trung Quốc trong và ngoài trường.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Cách tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm có nhiều ưu thế, góp phần phát triển các quan hệ bè bạn trong môi trường học tập. Các kỹ năng giao tiếp lắng nghe, diễn đạt, tranh luận, lãnh đạo, rèn luyện khả năng hợp tác, tương hỗ giúp cho người học tự tin hơn. Tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm giúp phát triển trí tuệ, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy, suy luận, giải quyết vấn đề, phát triển tư duy độc lập,

tự chủ sáng tạo của người học.

Tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm là phương pháp dạy học trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành từng cặp hoặc nhóm nhỏ thích hợp để tất cả các thành viên trong lớp đều được khuyến khích làm việc, thực hành, thảo luận về một nội dung công việc cụ thể được giao để cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phương pháp tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm gồm 3 thành tố cơ bản của phương pháp dạy học là: Giáo viên - Học sinh và nội dung dạy học.

Ba thành tố này tác động qua lại lẫn nhau trong môi trường xã hội. Vai trò của từng thành tố trong phương pháp dạy học:

+ Học sinh là chủ thể trung tâm tự tìm ra tri thức bằng chính hoạt động của mình.

+ Giáo viên chỉ là người hướng dẫn và tổ chức giúp cho người học tự tìm ra tri thức, là người đạo diễn, thức tỉnh, trọng tài, cố vấn ...

Phương pháp dạy học theo cặp, nhóm phát huy trực tiếp sự tham gia của người học vào các hoạt động trong giờ học. Người học phải tự lực học tập hình thành thói quen làm việc hợp tác, khả năng giao tiếp. Giúp các em phát huy tinh thần đoàn kết sự giúp đỡ, tương trợ nhau trong học tập, người khá giỏi giúp đỡ người yếu kém để người yếu kém cố gắng vươn lên.

Dạy học theo cặp, nhóm còn đánh thức và khơi dạy tiềm năng, trí tuệ của người học bằng cách đặt họ vào tình huống, vấn đề cụ thể. Người học phải bằng suy nghĩ và hành động của chính mình, tự mình tìm ra tri thức, giúp hình thành những phẩm chất quan trọng cho con người trong thời hiện đại như tính độc lập, tích cực, tự tin, tinh thần hợp tác và kỹ năng sống và làm việc cùng người khác trình bày ý kiến của mình và lắng nghe ý kiến của người khác, biết đánh giá bản thân và thừa nhận giá trị của những người xung quanh, biết học từ người khác và khẳng định mình.

Ví dụ 1: Thực hành hội thoại theo cặp

Hoạt động: Giáo viên chia học sinh thành các cặp và giao cho mỗi cặp một chủ đề hội thoại. Học sinh sẽ thực hành nói chuyện với nhau theo chủ đề đó trong vòng 10-15 phút. Một cặp học sinh có thể thảo luận về kế hoạch cuối tuần, hỏi và trả lời các câu hỏi về sở thích cá nhân, hoặc mô tả một kỳ nghỉ mơ ước. Hoạt động này giúp học sinh thực hành phát âm, tăng cường kỹ năng nghe và nói, và học cách sử dụng từ vựng và ngữ pháp trong ngữ cảnh thực tế.

Ví dụ 2: Học từ vựng theo nhóm

Hoạt động: Giáo viên chia học sinh thành các nhóm nhỏ từ 3-4 người. Mỗi nhóm sẽ được giao một danh sách từ vựng mới và yêu cầu tạo ra các câu ví dụ sử dụng từ vựng đó. Sau đó, mỗi nhóm sẽ trình bày các câu ví dụ của mình trước lớp. Hoạt động này giúp học sinh nhớ từ vựng tốt hơn, hiểu rõ cách sử dụng từ trong ngữ cảnh, và phát triển kỹ năng viết và trình bày.

Ví dụ: Một nhóm học sinh có thể nhận danh sách từ vựng liên quan đến chủ đề “gia đình” và tạo ra các câu như: “我的妈妈是老师。” (Mẹ của tôi là giáo viên), “我有两个哥哥。” (Tôi có hai anh trai).

Ví Dụ 3: Thảo luận nhóm về văn hóa trung quốc

Hoạt động: Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao cho mỗi nhóm một khía cạnh văn hóa Trung Quốc để nghiên cứu và thảo luận, chẳng hạn như lễ hội, ẩm thực, trang phục truyền thống, hoặc phong tục tập quán. Hoạt động này giúp học sinh hiểu sâu hơn về văn hóa Trung Quốc, mở rộng kiến thức ngoài ngôn ngữ, và phát triển kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình.

Ví dụ: Một nhóm học sinh có thể nghiên cứu về Lễ hội Tết Nguyên Đán, thảo luận về các hoạt động truyền thống, món ăn đặc trưng, và sau đó trình bày lại những gì đã học trước lớp.

Sau khi tập trung nghiên cứu đề tài “***cách tổ chức hoạt động theo cặp, nhóm trong giờ dạy và học môn tiếng Trung Quốc***”. Tôi tiến hành dạy thực nghiệm ở các lớp tại Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường tôi nhận thấy rằng trong thời gian áp dụng ngoài việc đáp ứng được nhu cầu đổi mới, học viên hứng thú tham gia vào hoạt động học tập

IV. KẾT LUẬN

Để đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng cao của học viên “***Tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp, nhóm trong giờ dạy – học bộ môn Tiếng Trung Quốc có hiệu quả***” là một vấn đề được bàn luận trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tự giác, chủ động tìm tòi, phát hiện, giải quyết nhiệm vụ nhận thức và có ý thức vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức kỹ năng đã thu nhận được của người học, đồng thời phát triển mối quan hệ bạn bè, các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng sống cho học sinh. Muốn vậy giáo viên phải nghiên cứu kỹ từng nội dung bài dạy, chuẩn bị bài chu đáo, vận dụng phương pháp phù hợp, linh hoạt ở mỗi bài dạy sao cho học viên không cảm thấy nhàm chán để lựa chọn và tổ chức cho học viên hoạt động theo cặp, nhóm một cách phù hợp, hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình Hán ngữ đối ngoại 2-3-4 – Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh.
Giáo trình chuẩn HSK1-2-3-4 – Chủ biên: Khương Lê Bình - Nhà xuất bản tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
Johnson, D. W., Johnson, R. T., & Holubec, E. J. (2008). *Cooperation in the Classroom*. Interaction Book Company.
Slavin, R. E. (1995). *Cooperative Learning: Theory, Research, and Practice*. Allyn & Bacon.
Kagan, S. (1994). *Cooperative Learning*. Kagan Publishing.
Gillies, R. M. (2007). *Cooperative Learning: Integrating Theory and Practice*. Sage Publications.
Jacobs, G. M., Power, M. A., & Loh, W. I. (2002). *The Teacher's Sourcebook for Cooperative Learning: Practical Techniques, Basic Principles, and Frequently Asked Questions*. Corwin Press.
O'Donnell, A. M., & King, A. (Eds.). (1999). *Cognitive Perspectives on Peer Learning*. Lawrence Erlbaum Associates.
Cohen, E. G. (1994). *Restructuring the Classroom: Conditions for Productive Small Groups*. *Review of Educational Research*, 64(1), 1-35.
Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (2009). *An Educational Psychology Success Story: Social Interdependence Theory and Cooperative Learning*. *Educational Researcher*, 38(5), 365-379.
Nguyễn Bá Kim. (2004). *Giáo dục sáng tạo trong toán học*. Nhà xuất bản Giáo dục.